

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02- 8 - 2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đặng Thị Lan**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hiếu**

- *Thư ký phiên tòa:* Anh **Nguyễn Xuân Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 157/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/02/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57 ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Ánh N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp 11, xã T huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Tô Hềnh B**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/4/2022, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Ánh N trình bày:**

Chị và anh Tô Hềnh B tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tô Phạm Tuyết Nh, sinh ngày 22/01/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng 01 năm thì về ngoại sống. Chị làm công nhân còn anh hợp đồng rẫy để làm. Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh hay gây chuyện vô cớ, nhỏ nhặt và tháng 12/2021 anh có nói chị làm đơn ly hôn rồi anh dọn về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó, anh không qua lại liên lạc hay thăm con. Chị có đưa con về thăm ông bà nội nhưng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Từ lúc anh đi, anh không qua lại thăm con, không phụ chị chi phí nuôi con, không quan tâm chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tình cảm với anh không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Cháu Tô Phạm Tuyết Nh chị sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có.

*** Bị đơn anh Tô Hánh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.**

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn không hợp tác nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Anh chị kết hôn năm 2019, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 12/2021, anh B đã về nhà cha mẹ ruột sống và không quan tâm, qua lại cũng như phụ chị nuôi con. Chị N yêu cầu ly hôn, anh B được tổng đạt hợp lệ nhưng không lên làm việc, bỏ mặc nên mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 – Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh B; về con chung giao cháu Tô Phạm Tuyết Nh cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Phạm Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tô Hánh B, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Tô Hánh B có hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều

35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Ánh N và anh Tô Hên B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tây vào năm 2019, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy:

Chị N khai cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm, anh thường gây chuyện vô cớ nên thường xuyên cãi vã, từ tháng 12/2021 anh chị không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau và không qua lại. Chị không còn tình cảm với anh, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh B không đến, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau nhưng anh chị không ở cùng nhau từ năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: chị N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tô Phạm Tuyết Nh, sinh ngày 20/01/2020 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc vợ chồng không sống cùng nhau, cháu Nh sống cùng mẹ, anh B được triệu tập nhưng không đến làm việc nên giao cháu Nh cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ánh N.

Chị Phạm Ánh N được ly hôn với anh Tô Hềnh B.

- Về con chung: Giao cháu Tô Phạm Tuyết Nh, sinh ngày 22/01/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Dương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Ánh N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp sang án phí (Biên lai số 0001177 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Tây;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến

